TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2022/DS-PT
Ngày: 16-08-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sư sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh năm 1975
Cư trú tại: Ấp 3, xã B, huyện B, tỉnh M (có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh T, Văn phòng Luật sư Lê Thanh T-Đoàn Luật sư tỉnh M
Địa chỉ: Số 196 phường 5 thành phố M, tỉnh M(có mặt).
Bị đơn: Ông Trịnh Bu L, sinh năm 1991
Cư trú tại: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh M. (có mặt)
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1993
Cư trú tại: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh M(vắng mặt)

2. Bà Lê Ngọc Á, sinh năm 1969 (có mặt)

3. Ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh M.

4. Ông Nguyễn Vũ E, sinh năm 1975

Cư trú tại: Ấp 3, xã B, huyện B, tỉnh M(có mặt).

5. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh M

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A – Trưởng phòng TN&MT huyện B (xin vắng mặt).

6. Ngân hàng E1.

Địa chỉ: số 2 phường C, quận Đ, Tp H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T2 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ánh C – Phó Giám đốc Ngân hàng Chi nhánh huyện B.

Địa chỉ: khóm 1, TT B, huyện B, tỉnh M (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr là nguyên đơn và ông E là người đại diện trình bày: Trong thời gian từ ngày 05/01/2014 đến ngày 05/01/2017 bà Trúc có mở các dây hụi từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ, bà Á và ông T1 (là cha mẹ của anh L) có tham gia chơi nhiều dây hụi và đã hốt xong các dây hụi và phải đóng hụi chết của những dây đã hốt. Đến ngày 05/01/2017 bà Á và ông T1 không còn khả năng đóng các dây hụi đã hốt nên các bên đã thỏa thuận và thống nhất chuyển số tiền phải đóng hụi chết thành nợ vay với tổng số tiền 691.172.000đ và hứa thanh toán sẽ trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, ông T1 và bà Á không thực hiện việc thanh toán nợ và đóng lãi.

Sau đó bà Tr khởi kiện ông T1, bà Á và được giải quyết tại bản án sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình và bản án phúc thẩm số 279/2020/DS-PT ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau buộc ông T1, bà Á liên đới thanh toán tiền nợ hụi và lãi suất số tiền 889.688.500đ cho vợ chồng bà Tr, ông E. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tr về việc yêu buộc ông Trịnh Bu L có nghĩa vụ liên đới đối với bà Á, ông T1 thanh toán khoản nợ nêu trên. Sau khi Tòa án đã giải quyết xong nhưng bà Á, ông T1 không thanh toán cho bà Tr khoản nợ trên.

Bà Tr cho rằng bà Á, ông T1 có tài sản là 02 phần đất gồm: Phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 660761 thửa đất 81, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.920m^2 tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và Phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 950681, thửa đất 147 và 164, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.970m^2 tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, hai phần đất nêu trên ông T1, bà Á và chị D (em anh L) đã tiến hành lập hợp đồng tặng cho anh L vào ngày 17/10/2017. Đến ngày 02/11/2017 hai phần đất trên đã được chuyển sang tên của anh Trịnh Bu L.

Bà Tr xác định việc lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh L là có dấu hiệu gian dối nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ của ông T1, bà Á. Vì thời điểm này ông T1, bà Á không còn bất cứ tài sản nào. Do đó bà Tr yêu cầu: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 17/10/2017 giữa ông T1, bà Á, chị D tặng cho quyền sử dụng đất số M 660761, thửa đất 81, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.920m^2 tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 17/10/2017 ông T1, bà Á, chị D tặng cho quyền sử dụng đất số L 950681, thửa đất 147 và 164, tờ bản đồ số 07 diện tích 12.970m^2 tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vô hiệu do giả tạo.

Hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 660761 cấp ngày 25/3/1998 cấp cho ông T1 và bà Á đã chuyển tên sang cho anh L ngày 01/11/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 950681 cấp ngày 17/4/1998 cấp cho ông T1 và bà Á đã chuyển tên sang cho anh L ngày 02/11/2017.

Mục đích yêu cầu hủy hai hợp đồng tặng cho tài sản và hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhằm mục đích để cho bà Tr yêu cầu Thi hành án kê biên phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất của bà Á, ông T1 thi hành theo bản án phúc thẩm số 279/2020/DS-PT ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã buộc ông T1, bà Á liên đới thanh toán tiền nợ hụi và lãi suất số tiền 889.688.500đ.

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực, bà đã có làm đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, nhưng hiện nay chưa xác định được thông tin, xác minh về khả năng thanh toán nợ của ông T1, bà Á đối với bản án số 279/2020/DS-PT ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Ông Trịnh Bu L là bị đơn trình bày: Anh không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà Tr về việc yêu cầu hủy hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Á vào năm 2017 và hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển tên cho anh vào năm 2017. Bởi vì, hai Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất hai phần đất giữa cha mẹ là ông T1, bà Á cho là hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Đối với hai phần đất trên đã chuyển tên sang anh L và anh là người trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 2017 cho đến nay ổn định. Trên đất không có tài sản gì gắn liền với đất, đất nông nghiệp và chỉ để làm vuông.

Anh xác định hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên anh đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng E1 từ năm 2017. Theo hợp đồng thế chấp được chứng thực số: 34985/HĐTC ngày 03/11/2017 và hợp đồng số 34986/HĐTC ngày 03/11/2017 cho đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền tính đến ngày 13/01/2022 là 80.183.562đ (trong đó: vốn 74.000.000đ lãi 6.183.562đ).

Nguồn gốc hai phần đất trên là do cha mẹ anh là ông T1, bà Á tạo lập từ năm 1998, đây là tài sản riêng được tạo lập trước khi tham gia chơi hụi của bà Tr nên đây không phải là tài sản có được từ số tiền chơi hụi của bà Tr mà có. Vì vậy, tài sản của cha, mẹ (ông T1, bà Á) tặng cho con (L) là hợp pháp, không thuộc

trường hợp kê biên để thi hành án theo quy định tại Điều 6 thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT.

Từ khi bà Á chốt nợ với bà Tr vào ngày 01/05/2017 thì không có thế chấp hay dùng tài sản là 02 phần đất nêu trên cho bà Tr. Đến ngày 17/10/2017 khi ông T1, bà Á làm thủ tục tặng cho 02 phần đất trên bà Tr cũng không có làm biện pháp ngăn chặn. Thời điểm này bà Á vẫn còn đóng lãi cho bà Tr bằng nguồn thu nhập từ mua bán.

Mặt khác, theo bản án phúc thẩm số 279/2020/DS-PT ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chỉ buộc ông T1, bà Á liên đới thanh toán tiền nợ hụi và lãi suất số tiền 889.688.500đ cho vợ chồng bà Tr, ông E. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Trịnh Bu L có nghĩa vụ liên đới đối với bà Á , ông T1 thanh toán nợ nêu trên. Do đó, không thể kê biên tài sản của anh để thanh toán nợ cho ông T1, bà Á.

Đối với việc bà Tr lấy chứng cứ từ các tin nhắn của chị D với bà Tr để yêu cầu buộc anh trả nợ là không hợp lý. Vì việc nhắn tin trao đổi giữa chị D với bà Tr là quyền riêng tư của chị D, không liên quan đến anh.

Ông Nguyễn Vũ E (chồng bà Tr) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông thống nhất theo trình bày của bà Tr, không bổ sung gì thêm.

Ông Trịnh Minh T1, bà Lê Ngọc Á là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông T1và bà Á có hai phần đất theo giấy chứng nhận QSD đất số M 660761, diện tích 12.920m^2 thửa đất 81, tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và phần đất theo giấy chứng nhận QSD đất số L 950681, diện tích 12.970m^2 thửa đất 147 và 164, tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Đây là tài sản chung của cá nhân vợ chồng ông, không có phần của các con.

Việc vợ chồng ông tặng cho 02 phần đất nêu trên cho anh L là phù hợp với quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và chuyển sang cho Trịnh Bu L đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2017 nên ông, bà không đồng ý theo yêu cầu của bà Tr về việc tuyên bố hai hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của vợ chồng ông cho anh L vào ngày 17/10/2017 là vô hiệu và không đồng ý hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 660761 cấp ngày 25/3/1998 đã chuyển tên sang cho anh L ngày 01/11/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 950681 cấp ngày 17/4/1998 đã chuyển tên sang cho anh L ngày 02/11/2017. Ngoài 02 phần đất nêu trên ông, bà còn có căn nhà cấp 4 và phần đất tại ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình được xây dựng từ năm 2006, đang kinh doanh mua bán tạp hóa.

Đối với với việc nợ của vợ chồng ông, bà với bà Tr, ông E là việc khác đã được giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 279/2020/DS-PT ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Ông, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà Tr, ông E số tiền 889.688.500đ, không liên quan đến anh Trịnh Bu L.

Bà Trịnh Thị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D nhưng bà D vắng mặt và không có gửi ý kiến cho Tòa án.

Ủy ban nhân dân huyện B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện B xin vắng mặt và có gửi ý kiến cho Tòa án với nội dung: Yêu cầu Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng E1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Phạm Ánh C - Phó Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh huyện B là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt và có ý kiến bằng văn bản về nội dung vụ án (gọi tắt là Ngân hàng). Cho rằng giữa Ngân hàng và ông Trịnh Bu L có xác lập 02 hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trịnh Bu L để vay vốn tại Ngân E1 – Chi nhánh huyện B từ năm 2017, Theo hợp đồng thế chấp số 34985/HĐTC ngày 03/11/2017 và hợp đồng số 34986/HĐTC ngày 03/11/2017 cho đến nay. Theo hợp đồng tín dụng lần sau cùng số 7502-LAV-202100668/HĐTD ngày 26/02/2021 mục đích vay nuôi tôm và trồng lúa, thời hạn vay là 24 tháng (hết hạn ngày 25/02/2023), vốn vay là 74.000.000đ, còn trong hạn, chưa vi phạm hợp đồng. Số tiền nợ tạm tính và có nghĩa vụ thanh đến ngày 13/01/2022 là 80.183.562đ (trong đó: vốn 74.000.000đ lãi 6.183.562đ). Do ông Trịnh Bu L còn trong hạn vay, không vi phạm hợp đồng.

Khi Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì Ngân hàng rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết nợ vay trong vụ án này và xác định tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng đã ký với anh L.

Trường hợp, Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy hợp đồng tặng cho và hủy giấy chứng nhận của anh L là có ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Bu L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn vay và lãi theo hợp đồng đã ký. Nếu không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sư sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Mỹ Tr) về việc yêu cầu về việc hủy 02 hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Á với anh L theo số chứng thực là 426, 427 quyển 1 TP/CC-SCT/HĐGD cùng ngày 17/10/2017 của UBND xã Thới Bình, huyện Thới Bình và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 660761 thửa đất 81, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.920m^2 vào ngày 01/11/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 950681, thửa đất 147 và 164, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.970m^2 cùng tọa lạc ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình vào ngày 02/11/2017.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng E1 - Chi nhánh huyện B đối với anh Trịnh Bu L về hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/04/2022 bà Nguyễn Thị Mỹ Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hành vi tẩu tán tài sản của ông Trịnh Minh T1 và bà Lê Ngọc Á, thu hồi tài sản chuyển dịch để thi hành án cho bà .

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Á và chị D với anh L là vô hiệu.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Á và chị D với anh L là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Việc giao dịch hụi giữa bà Lê Ngọc Á với bà Nguyễn Thị Mỹ Tr diễn ra từ thời gian năm 2014 cho đến năm 2017, ngày 05/01/2017 hai bên đối chiếu nợ thì bà Á còn nợ bà Tr số tiền 691.172.000 đồng. Ngày 17/10/2017 ông Trịnh Minh T1 và bà Lê Thị Á lập hợp đồng tặng con mình là anh Trịnh Bu L 02 phần đất có tổng diện tích 25.890m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong khi đó, ông T1 và bà Á chưa thanh toán khoản nợ trên cho bà Tr. Tại quyết định số: 98/QĐ-CCTHADS ngày 23/09/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình đã xác định ông T1 và bà Á chưa có điều kiện thi hành án đối với khoản tiền phải thanh toán cho bà Tr là 889.688.500 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 và bà Á cũng xác định không còn tài sản để thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Á cho rằng trong thời điểm nợ tiền bà Tr thì ông T1 bà Á có một khoản thu nhập từ việc nuôi tôm nhưng đã dùng tiền trả khoản vay Ngân hàng trước đó để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng về chuyển tên cho anh L. Anh L trình bày việc chuyển tên quyền sử dụng đất cho anh nhưng thực ra anh sử dụng đất cũng để nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình chung với bà Á và ông T1. Như vậy, rỏ ràng ông T1 và bà Á không có thiện chí trả trợ mà dùng tiền có được trả nợ Ngân hàng để nhằm mục đích chuyển quyền sử đất cho anh L với hình thức tặng cho.

Lẽ ra, ông T1 và bà Á dùng một phần tài sản của mình là quyền sử dụng đất để chuyển nhượng cho người khác hoặc dùng để thế chấp vay vốn Ngân hàng nhằm có một khoản tiền thanh toán nợ cho bà Tr, thế nhưng ông T1 và bà Á lại tặng cho toàn bộ 02 phần đất nêu trên cho chính con mình và kết quả là không còn tài sản để thanh toán khoản nợ trên cho bà Tr. Do đó, đủ cơ sở để kết luận việc ông T 1và bà Á tặng cho anh Trịnh Bu L diện tích 25.890m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã Thới

Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ đối với bà Tr.

Khoản 2 điều 124 Bộ Luật dân sự quy định: *"Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu."* nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà Á, chị D với anh L là vô hiệu. Án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr là không phù hợp.

[2] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Minh T1 đã tặng cho anh L, cơ quan có thẩm quyền sẽ điều chỉnh khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng giữa anh Trịnh Bu L và Ngân hàng E1 Chi nhánh huyện B, do Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện và các đương sự không có kháng cáo về nội dung này nên không đặt ra xem xét.

Từ nhận định trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Tr không phải chịu án phí theo quy định. Anh L phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Tr không phải chịu án phí theo quy định.

[6] Tại phiên tòa, người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sửa bản án dân sư sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Tuyên xử:

1-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Tr;

-Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Minh T1, bà Lê Ngọc Á và chị Trịnh Thị D với anh Trịnh Bu L được Uỷ ban nhân dân xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau chứng thực là 426 ngày 17/10/2017 đối với phần đất có diện tích 12.970m^2 thuộc thửa số 147, 164, tờ bản đồ số 07 ấp 2 xã Thới Bình, huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau là vô hiệu.

-Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Minh T1, bà Lê Ngọc Á và chị Trịnh Thị D với anh Trịnh Bu L được Uỷ ban nhân dân xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau chứng thực là 427 ngày 17/10/2017 đối với phần đất có diện tích 12.920m^2 thuộc thửa số 81 tờ bản đồ số 07 ấp 2 xã Thới Bình, huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau là vô hiệu.

2-Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng E1 - Chi nhánh huyện B đối với anh Trịnh Bu L về hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng.

3-Án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr không phải chịu. Ngày 18/6/2021 bà Tr đã dự nộp số tiền 300.000đ theo lai số 0011674 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại

-Vào ngày 27/01/2022 Ngân hàng E1- Chi nhánh huyện B đã dự nộp số tiền 2.004.000đ theo lai số 0014713 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

-Anh Trịnh Bu L phải chịu 300.000 đồng

3-Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr không phải chịu. Ngày 05/05/2022 bà Nguyễn Thị Mỹ Tr đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đồng theo các lai số 0014928 được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Thới Bình*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hồ Minh Tấn